**GIỚI THIỆU**

**MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC**

**A. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC, KỸ THUẬT DẠY HỌC LÀ GÌ ?**

**Các nghiên cứu về lý luận dạy học thường đề cập đến 3 cấp độ của PPDH: Quan điểm dạy học (QĐDH) – Phương pháp dạy học – Kỹ thuật dạy học (KTDH).**

**Quan điểm dạy học:** Là những định hướng tổng thể cho các hành động phương pháp, trong đó có sự kết hợp giữa nguyên tắc dạy học làm nền tảng, những cơ sở lý thuyết của lý luận dạy học đại cương hay chuyên ngành, những điều kiện dạy học và tổ chức cũng như những định hướng mang tính chiến lược dài hạn, có tính cương lĩnh, là mô hình lý thuyết của PPDH. Tuy nhiên các quan điểm dạy học chưa đưa ra những mô hình hành động cũng như những hình thức xã hội cụ thể của phương pháp.

**Phương pháp dạy học (PPDH):** Khái niệm PPDH ở đây được hiểu theo nghĩa hẹp, đó là các PPDH, các mô hình hành động cụ thể. PPDH cụ thể là những cách thức hành động của giáo viên và học sinh nhằm thực hiện những mục tiêu dạy học xác định, phù hợp với những nội dung và điều kiện dạy học cụ thể. PPDH cụ thể bao gồm những phương pháp chung cho nhiều môn và các phương pháp đặc thù bộ môn. Bên cạnh các phương pháp truyền thống quen thuộc như thuyết trình, đàm thoại, trực quan, làm mẫu, có thể kể một số phương pháp khác như: phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp học tập theo tra cứu, phương pháp dạy học dự án…

**Kỹ thuật dạy học (KTDH):** Là những động tác, cách thức hành động của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các KTDH chưa phải là các PPDH độc lập. Bên cạnh các KTDH thường dùng, có thể kể đến một số KTDH phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học như: Kỹ thuật công não, kỹ thuật thông tin phản hồi, kỹ thuật bể cá, kỹ thuật tia chớp…

**B. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC THEO HƯỚNG TÍCH CỰC NHƯ THẾ NÀO?**

Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực chính là phát huy được tính tích cực trong nhận thức của học sinh. Trong dạy học tích cực, học sinh là chủ thể của mọi hoạt động, giáo viên chỉ đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn.

**C. MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC**

**1. Kỹ thuật động não (Brainstorming)**

**a. Giớithiệu**: Năm 1941, Alex Osborn đã miêu tả động não như là *Một kỹ thuật hội ý bao gồm một nhóm người nhằm tìm ra lời giải cho vấn đề đặc trưng bằng cách góp nhặt tất cả ý kiến của nhóm người đó nảy sinh trong cùng một thời gian theo một nguyên tắc nhất định.*

**Động não** hay **Công** **não** (*Brainstorming*) là một phương pháp đặc sắc dùng để phát triển nhiều giải pháp sáng tạo cho một vấn đề. Phương pháp này hoạt động bằng cách nêu các ý tưởng tập trung trên vấn đề, từ đó rút ra rất nhiều giải pháp căn bản cho nó. Các ý niệm/hình ảnh về vấn đề trước hết được nêu ra một cách rất phóng khoáng và ngẫu nhiên theo dòng suy nghĩ càng nhiều, càng đủ càng tốt. Các ý kiến có thể rất rộng và sâu cũng như không giới hạn bởi các khía cạnh nhỏ nhặt nhất của vấn đề mà những người tham gia nghĩ tới.

Trong động não thì vấn đề được đào bới từ nhiều khía cạnh và nhiều cách nhìn khác nhau. Sau cùng các ý kiến sẽ được phân nhóm và đánh giá.

**b**. **Dụng cụ:**

- Tốt nhất là các bảng hoặc giấy khổ lớn để mọi người dễ đọc các ý kiến, hoặc có thể thay thế bằng giấy viết.

- Có thể sử dụng hệ thống máy tính kết nối mạng để tiến hành động não.

**c. Thực hiện:**

- Giáo viên chia nhóm, các nhóm tự chọn nhóm trưởng và thư ký.

- Giao vấn đề cho nhóm.

- Nhóm trưởng điều hành hoạt động thảo luận chung của cả nhóm trong một thời gian quy định, các ý kiến đều được thư ký ghi nhận, khuyến khích thành viên đưa càng nhiều ý kiến càng tốt.

- Cả nhóm cùng lựa chọn giải pháp tối ưu, thu gọn các ý tưởng trùng lặp, xóa những ý không phù hợp, sau cùng thư ký báo cáo kết quả.

**d. Lưu ý:**Trong quá trình thu thập ý kiến, không được phê bình hay nhận xét – cần xác định rõ: Không có câu trả lời nào là sai.

**e. Ưu điểm:**

- Dễ thực hiện, không mất nhiều thời gian.

- Huy động mọi ý kiến của thành viên, tập trung trí tuệ.

- Do không được phép đánh giá trong quá trình thu thập ý kiến, nên mọi ý kiến đều được ghi nhận, từ đó khuyến khích các thành viên nhóm tham gia hoạt động.

**g. Hạn chế:**

- Rất dễ gây tình trạng lạc đề nếu chủ đề không rõ ràng.

- Việc lựa chọn các ý kiến tốt nhất có thể sẽ mất thời gian.

- Nếu nhóm trưởng không đủ bản lĩnh sẽ gây ra tình trạng một số thành viên nhóm quá năng động nhưng một số khác không tham gia.

- Việc lưu trữ kết quả thảo luận là khó khăn và dễ gây lãng phí.

**2. Kỹ thuật thảo luận viết – Brainwriting**

**a**. **Giới thiệu:**Thảo luận viết (Brain writing) là một biến thể của Động não, tuy nhiên, trong thảo luận viết, từng thành viên trình bày ý kiến của mình trên giấy trước khi gởi kết quả về cho thư ký của nhóm.  
**b**.**Dụng cụ:** Mỗi thành viên có giấy và bút riêng để viết ra ý tưởng của mình.  
**c**.**Thực hiện:**

-Giáo viên chia nhóm, giao vấn đề cho nhóm.

-Quy định thời gian viết cá nhân trước khi thu thập ý kiến.

- Sau khi thu thập ý kiến, cả nhóm cùng nhau duyệt toàn bộ, sau đó lựa chọn giải pháp tối ưu để thư ký báo cáo kết quả.

**d**. **Lưu ý:**Trong quá trình phát triển ý kiến, được phép tham khảo ý kiến của các bạn khác cùng nhóm để phát triển ý tưởng.

**e**. **Ưu điểm:**

- Thu thập được nhiều ý kiến, do người viết cảm thấy không phải “tranh luận” về ý kiến của mình.

- Các ý kiến thường có giá trị cao, do người ta có xu hướng suy nghĩ kỹ trước khi viết ra giấy.

**g**. **Hạn chế:** Cần dành nhiều thời gian cho hai hoạt động: Viết cá nhân và đánh giá toàn bộ ý kiến.

**3. Kỹ thuật động não không công khai**

**a**. **Giới thiệu:** Động não không công khai là một hình thức biến đổi của thảo luận viết, mỗi thành viên của nhóm cũng viết ra ý nghĩ của mình để giải quyết vấn đề, tuy nhiên không công khai và không tham khảo người khác, sau đó nhóm mới tiến hành thảo luận chung.

**b**. **Dụng cụ:** Giấy bút cho các thành viên của nhóm.

**c**. **Thực hiện:**

- Giáo viên chia nhóm, giao chủ đề cho nhóm, quy định thời gian làm việc cá nhân để giải quyết vấn đề trước khi thảo luận nhóm.

- Sau khi hoàn tất làm việc cá nhân, lần lượt từng người trình bày ý kiến.  
- Bắt đầu thảo luận khi tất cả thành viên đã trình bày xong ý kiến.  
**d**. **Lưu ý:** Trong quá trình động não cá nhân không được tham khảo ý kiến của các thành viên khác trong nhóm.

**e**. **Ưu điểm:**

- Có thể áp dụng bất cứ thời điểm nào.

- Hữu ích khi sử dụng để thu thập thông tin phản hồi.

**g**.**Hạn chế:**Do không được quyền tham khảo ý kiến thành viên khác, nên các ý kiến tham gia có thể lạc đề, lan man hoặc chú trọng những vấn đề tiểu tiết.

**4 . Kỹ thuật XYZ (Còn gọi là kỹ thuật 635)**

**a**. **Giới thiệu:** Kỹ thuật XYZ là một kỹ thuật làm việc nhóm nhằm phát huy tính tích cực của mỗi thành viên trong nhóm, trong đó mỗi nhóm có X thành viên, mỗi thành viên cần đưa ra Y ý kiến trong khoảng thời gian Z. Mô hình thông thường mỗi nhóm có 6 thành viên, mỗi thành viên cần đưa ra 3 ý kiến trong khoảng thời gian 5 phút, do vậy, kỹ thuật này còn gọi là kỹ thuật 635.  
**b**. **Dụng cụ:** Giấy bút cho các thành viên.

**c.Thực hiện:**

- Giáo viên chia nhóm, giao chủ đề cho nhóm, quy định số lượng ý tưởng và

thời gian theo đúng quy tắc XYZ.

- Các thành viên trình bày ý kiến của mình, hoặc gởi ý kiến về cho thư ký tổng hợp, sau đó tiến hành đánh giá và lựa chọn.

**d**. **Lưu ý:**Số lượng thành viên trong nhóm nên tuân thủ đúng quy tắc để tạo tính tương đồng về thời gian, giáo viên quy định thời gian và theo dõi thời gian cụ thể.  
**e. Ưu điểm:**Có yêu cầu cụ thể nên buộc các thành viên đều phải làm việc.  
**g**. **Hạn chế:**Cần dành nhiều thời gian cho hoạt động nhóm, nhất là quá trình tổng hợp ý kiến và đánh giá ý kiến.

**5. Kỹ thuật "Bể cá"**

**a**. **Giới thiệu:**  Kỹ thuật bể cá là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm thành viên ngồi giữa phòng và thảo luận với nhau, còn những thành viên khác ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những thành viên đang thảo luận.Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. Các thành viên tham gia nhóm quan sát có thể thay nhau ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Cách luyện tập này được gọi là phương pháp thảo luận “bể cá”, vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong một bể cá cảnh. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

**b**. **Dụng cụ:** Giấy bút cho các thành viên.

**c**. **Thực hiện:**Một nhóm trung tâm sẽ tiến hành thảo luận chủ đề của giáo viên đưa ra, các thành viên còn lại của lớp sẽ ngồi xung quanh, tập trung quan sát nhóm đang thảo luận.

**d. Lưu ý:** Bảng câu hỏi cho những người quan sát:

- Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không?

- Họ có nói một cách dễ hiểu không?

- Họ có để những người khác nói hay không?

- Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không?

- Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không?

- Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không?

- Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không?

**e. Ưu điểm:**  Vừa giải quyết được vấn đề, vừa phát triển kỹ năng quan sát và giao tiếp của người học.

**g.Hạn chế:**

- Cần có không gian tương đối rộng.

- Nhóm trung tâm khi thảo luận cần có thiết bị âm thanh, hoặc cần phải nói to.

- Các thành viên quan sát có xu hướng không tập trung vào chủ đề thảo luận.

**6. Kỹ thuật mảnh ghép (Jigsaw)**

**a**.**Giới thiệu:** Là kĩ thuật tổ chức hoạt động học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp, kích thích sự tham gia tích cực của học sinh, nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (Không chỉ nhận thức hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 1 mà còn phải truyền đạt kết quả và hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 2).  
**b**. **Dụng cụ:** Giấy bút cho các thành viên.

**c**. **Thực hiện:**

- Giáo viên giao việc cho từng nhóm.

- Các nhóm tiến hành thảo luận và rút ra kết quả, đảm bảo từng thành viên của nhóm đều có khả năng trình bày kết quả của nhóm.

- Mỗi nhóm được tách ra và hình thành nhóm mới.

- Từng thành viên lần lượt trình bày kết quả thảo luận của mình.

**d. Lưu ý:**

- Đảm bảo ở bước thảo luận đầu tiên, mọi thành viên đều có khả năng trình bày kết quả thảo luận của nhóm trước khi tiến hành tách nhóm.

- Các chủ đề thảo luận cần được chọn lọc kỹ lưỡng, có tính độc lập với nhau.

**e.Ưu điểm:**

- Đào sâu kiến thức trong từng lĩnh vực.

- Phát huy hiểu biết của học sinh và giải quyết những hiểu sai.

- Phát triển tinh thần làm việc theo nhóm.

- Phát huy trách nhiệm của từng cá nhân.

**g. Hạn chế:**

- Kết quả thảo luận phụ thuộc vào vòng thảo luận thứ nhất, nếu vòng thảo luận này không có chất lượng thì cả hoạt động sẽ không có hiệu quả.

- Nếu số lượng thành viên không được tính toán kỹ sẽ dẫn đến tình trạng nhóm thừa, nhóm thiếu.

- Không sử dụng được cho các nội dung thảo luận có mối quan hệ ràng buộc “Nhân – quả” với nhau.

**7. Kỹ thuật khăn phủ bàn (Khăn trải bàn)**

**a. Giới thiệu:** Kĩ thuật "khăn phủ bàn" là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của người học và phát triển mô hình có sự tương tác giữa người học với người học.  
**b**. **Dụng cụ:** Bút và giấy khổ lớn cho mỗi nhóm.

**c**.**Thực hiện:**

- Giáo viên chia nhóm, phân công nhóm trưởng, thư ký, giao vật tư.  
- Giáo viên giao vấn đề, từng thành viên viết ý kiến của mình vào góc của tờ giấy.

 - Nhóm trưởng và thư ký tổng hợp các ý kiến, đánh giá và lựa chọn những ý kiến quan trọng viết vào giữa tờ giấy.

**d**.**Lưu ý:**Mỗi thành viên làm việc tại góc riêng của mình.

**e**.**Ưu điểm:** Tăng cường tính độc lập và trách nhiệm của người học.  
g.**Hạn chế:** Tốn kém chi phí và khó lưu trữ, sửa chữa kết quả.  
Nhóm có số thành viên 4 là tốt nhất.

**8. Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi (Think-Pair-Share)**

**a. Giới thiệu:** Chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, Share) là một kỹ thuật do giáo sư Frank Lyman đại học Maryland giới thiệu năm 1981. Kỹ thuật này giới thiệu hoạt động làm việc nhóm đôi, phát triển năng lực tư duy của từng cá nhân trong giải quyết vấn đề.

**b. Dụng cụ:** Hoạt động này phát triển kỹ năng nghe và nói nên không cần thiết sử dụng các dụng cụ hỗ trợ.

**c**. **Thực hiện:**Giáo viên giới thiệu vấn đề, đặt câu hỏi mở, dành thời gian để học sinh suy nghĩ.Sau đó học sinh thành lập nhóm đôi và chia sẻ ý tưởng, thảo luận, phân loại.Nhóm đôi này lại chia sẻ tiếp với nhóm đôi khác hoặc với cả lớp.  
**d**. **Lưu ý:**Điều quan trọng là người học chia sẻ được cả ý tưởng mà mình đã nhận được, thay vì chỉ chia sẻ ý kiến cá nhân.Giáo viên cần làm mẫu hoặc giải thích.  
**e.Ưu điểm:**Thời gian suy nghĩ cho phép học sinh phát triển câu trả lời, có thời gian suy nghĩ tốt, học sinh sẽ phát triển được những câu trả lời tốt, biết lắng nghe, tóm tắt ý của bạn cùng nhóm.

**g**.**Hạn chế:**Học sinh dễ dàng trao đổi những nội dung không liên quan đến bài học do giáo viên không thể bao quát hết hoạt động của cả lớp.

**9. Bản đồ tư duy (Sơ đồ tư duy)**

**a. Giới thiệu:**Sơ đồ tư duy là một hình thức ghi chép có thể sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Nhờ sự kết nối giữa các nhánh, ý tưởng được liên kết, do vậy bao quát được phạm vi sâu rộng. Kỹ thuật sơ đồ tư duy do Tony Buzan đề xuất, xuất phát từ cơ sở sinh lý thần kinh về quá trình tư duy: Não trái đóng vai trò thu thập các dữ liệu mang tính logic như số liệu, não phải đóng vai trò thu thập dữ liệu như hình ảnh, nhịp điệu, màu sắc, hình dạng v.v…

**b. Dụng cụ:**Bảng lớn, hoặc giấy khổ lớn, bút càng nhiều màu càng tốt, có thể sử dụng các phần mềm vẽ sơ đồ tư duy.

**c.** Giáo viên chia nhóm, giao chủ đề cho nhóm, mỗi thành viên lần lượt kết nối ý tưởng trung tâm đến ý tưởng của cá nhân, mô tả ý tưởng thông qua hình ảnh, biểu tượng hoặc một vài ký tự ngắn gọn. Ví dụ:

**d.Lưu ý:**

- Có nhiều cách tổ chức thông tin theo sơ đồ: Sơ đồ thứ bậc, sơ đồ mạng, sơ đồ chuỗi v.v. Giáo viên cần để học sinh tự lựa chọn sơ đồ mà các em thích.  
- Giáo viên cần đưa câu hỏi gợi ý để thành viên nhóm lập sơ đồ.

- Khuyến khích sử dụng biểu tượng, ký hiệu, hình ảnh và văn bản tóm tắt. Ví dụ:

**e.Ưu điểm:**

- Khi vẽ sơ đồ tư duy, học sinh học được quá trình tổ chức thông tin, ý tưởng cũng như giải thích được thông tin và kết nối thông tin với cách hiểu biết của mình.  
- Phù hợp tâm lý học sinh, đơn giản, dễ hiểu.

- Rất thích hợp cho các nội dung ôn tập, liên kết lý thuyết với thực tế.

**g**. **Hạn chế:**

- Các sơ đồ giấy thường khó lưu trữ, thay đổi, chỉnh sửa, tốn kém chi phí.  
- Sơ đồ do học sinh tự xây dựng sẽ giúp học sinh nhớ bài tốt hơn là sơ đồ do giáo viên xây dựng, sau đó giảng giải cho học sinh.

**10. Kỹ thuật động não ABC**

**a.Giới thiệu:** Trước khi yêu cầu học sinh thảo luận về một chủ đề quan trọng, giáo viên nên kích hoạt những kiến thức có sẵn của các em. Một trong những hình thức kích hoạt là sử dụng kỹ thuật động não ABC. Học sinh sẽ nghĩ đến những từ ngữ có liên quan đến chủ đề thảo luận, theo trình tự ABC.  
**b**. **Dụng cụ:** Giấy bút cho người tham gia.

**c**. **Thực hiện:**

- Đề nghị học sinh liệt kê bảng chữ cái theo hàng dọc từ trên xuống dưới (Hoặc giáo viên in sẵn cho học sinh).

- Đề nghị học sinh làm việc cá nhân và điền vào các từ có liên quan đến chủ đề cần thảo luận, sau khi làm việc cá nhân, học sinh làm việc nhóm đôi và chia sẻ lẫn nhau các từ các em tìm được, cố gắng hoàn tất cả bảng chữ cái.  
**d**.**Lưu ý:**Chủ đề cần rộng để học sinh suy nghĩ.Khuyến khích học sinh hoàn thành tất cả bảng chữ cái bằng cách chia sẻ nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.  
**e**.**Ưu điểm:**Giúp học sinh động não kiến thức các em đã có về chủ đề sắp được học.  
**g**.**Hạn chế:**Không thể sử dụng với những chủ đề quá mới mẻ với học sinh.

**11. Kỹ thuật Kipling (5W1H)**

**a. Giới thiệu:** Rudyard Kipling (1865 – 1936) là nhà thơ, nhà văn Anh nổi tiếng, tác giả quyển sách “Cậu bé rừng xanh” và rất nhiều bài thơ hay. Ông từng viết 4 câu thơ:

I have six honest serving men  
They taught me all I knew  
I call them What and Where and When  
And How and Why and Who  
Kỹ thuật này thường được dùng cho các trường hợp khi cần có thêm ý tưởng mới, hoặc xem xét nhiều khía cạnh của vấn đề, chọn lựa ý tưởng để phát triển.

**b. Dụng cụ:**Giấy bút cho người tham gia.

**c. Thực hiện:**Các câu hỏi được đưa ra theo thứ tự ngẫu nhiên hoặc theo một trật tự định ngầm trước, với các từ khóa: Cái gì, Ở đâu, Khi nào, Thế nào, Tại sao, Ai.  
Ví dụ: Vấn đề là gì?

Vấn đề xảy ra ở đâu?

Vấn đề xảy ra khi nào?

Tại sao vấn đề lại xảy ra?

Làm thế nào để giải quyết vấn đề?

Ai sẽ tham gia giải quyết vấn đề?

Khi nào thì vấn đề giải quyết xong?

**d. Lưu ý:** Các câu hỏi cần ngắn gọn, đi thẳng vào chủ đề. Các câu hỏi cần bám sát vào hệ thống từ khóa 5W1H (What, where, when, who, why, how).

**e**. **Ưu điểm:**Nhanh chóng, không mất thời gian, mang tính logic cao.  
Có thể áp dụng cho nhiều tình huống khác nhau. Có thể áp dụng cho cá nhân.  
**g.Hạn chế:** Ít có sự phối hợp của các thành viên. Dễ dẫn đến tình trạng “9 người 10 ý”. Dễ tạo cảm giác “Bị điều tra”.

**12. Kỹ thuật KWL-KWLH**

**a.Giới thiệu:**

KWL do Donna Ogle giới thiệu năm 1986, vốn là một hình thức tổ chức dạy học hoạt động đọc hiểu. Học sinh bắt đầu bằng việc động não tất cả những gì các em đã biết về chủ đề bài đọc. Thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột K của biểu đồ. Sau đó học sinh nêu lên danh sách các câu hỏi về những điều các em muốn biết thêm trong chủ đề này. Những câu hỏi đó sẽ được ghi nhận vào cột W của biểu đồ. Trong quá trình đọc hoặc sau khi đọc xong, các em sẽ tự trả lời cho các câu hỏi ở cột W, các thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột L.

Từ biểu đồ KWL, Ogle bổ sung thêm cột H ở sau cùng, với nội dung khuyến khích học sinh định hướng nghiên cứu. Sau khi học sinh đã hoàn tất nội dung ở cột L, các em có thể muốn tìm hiểu thêm về một thông tin. Các em sẽ nêu biện pháp để tìm thông tin mở rộng. Những biện pháp này sẽ được ghi nhận ở cột H.

**b**.**Dụng cụ:**

- Bảng KWL (KWLH) dành cho học sinh.

- Bảng KWL (KWLH) dành cho giáo viên.

**c**.**Thực hiện:**

Chọn bài đọc

-        Phương pháp này đặc biệt có hiệu quả với các bài đọc mang ý nghĩa gợi mở, tìm hiểu, giải thích.

-        Tạo bảng KWL

-        Giáo viên vẽ một bảng lên bảng, ngoài ra, mỗi học sinh cũng có một mẫu bảng của các em. Có thể sử dụng mẫu sau.

- Đề nghị học sinh động não nhanh và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến chủ đề. Cả giáo viên và học sinh cùng ghi nhận hoạt động này vào cột K. Hoạt động này kết thúc khi học sinh đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Tổ chức cho học sinh thảo luận về những gì các em đã ghi nhận.

- Hỏi học sinh xem các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề. Cả giáo viên và học sinh ghi nhận câu hỏi vào cột W. Hoạt động này kết thúc khi học sinh đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Nếu học sinh trả lời bằng một câu phát biểu bình thường, hãy biến nó thành câu hỏi trước khi ghi nhận vào cột W.  
Yêu cầu học sinh đọc và tự điền câu trả lời mà các em tìm được vào cột L. Trong quá trình đọc, học sinh cũng đồng thời tìm ra câu trả lời của các em và ghi nhận vào cột W. Học sinh có thể điền vào cột L trong khi đọc hoặc sau khi đã đọc xong.  
**d**. **Lưu ý:**

- Chuẩn bị những câu hỏi để giúp học sinh động não. Đôi khi để khởi động, học sinh cần nhiều hơn là chỉ đơn giản nói với các em : “Hãy nói những gì các em đã biết về…”

- Khuyến khích học sinh giải thích. Điều này rất quan trọng vì đôi khi những điều các em nêu ra có thể là mơ hồ hoặc không bình thường.  
Hỏi những câu hỏi tiếp nối và gợi mở. Nếu chỉ hỏi các em : “Các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề này?” đôi khi học sinh trả lời đơn giản “không biết”, vì các em chưa có ý tưởng.

- Chuẩn bị sẵn một số câu hỏi của riêng bạn để bổ sung vào cột W. Có thể bạn mong muốn học sinh tập trung vào những ý tưởng nào đó, trong khi các câu hỏi của học sinh lại không mấy liên quan đến ý tưởng chủ đạo của bài đọc. Chú ý là không được thêm quá nhiều câu hỏi của bạn. Thành phần chính trong cột W vẫn là những câu hỏi của học sinh.

- Ngoài việc bổ sung câu trả lời, khuyến khích học sinh ghi vào cột L những điều các em cảm thấy thích. Để phân biệt, có thể đề nghị các em đánh dấu những ý tưởng của các em.

- Khuyến khích học sinh nghiên cứu thêm về những câu hỏi mà các em đã nêu ở cột W nhưng chưa tìm được câu trả lời từ bài đọc.

**e**.**Ưu điểm:**Tạo hứng thú học tập cho học sinh, khi những điều các em cần học có liên quan trực tiếp đến nhu cầu về kiến thức của các em.  
Giúp học sinh dần dần hình thành khả năng tự định hướng học tập, nắm được cách học không chỉ cho môn đọc hiểu mà cho các môn học khác.  
Giúp giáo viên và học sinh tự đánh giá kết quả học tập, định hướng cho các hoạt động học tập kế tiếp.

**g**. **Hạn chế:** Sơ đồ cần phải được lưu trữ cẩn thận sau khi hoàn thành hai bước K và W, vì bước L có thể sẽ phải mất một thời gian dài mới có thể tiếp tục thực hiện.

**D. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC**

**1. Dạy học theo dự án**

**a. Khái niệm dạy học theo dự án**

*Dạy học theo dự án (DHDA) là một hình thức dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế họach, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Làm việc nhóm là hình thức cơ bản của DHDA.*

**b. Đặc điểm của dạy học theo dự án**

- Định hướng thực tiễn: Chủ đề của dự án xuất phát từ những  tình huống của thực tiễn xã hội, thực tiễn nghề nghiệp cũng như thực tiễn đời sống. Nhiệm vụ dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng của người học.

- Có ý nghĩa thực tiễn xã hội: Các dự án học tập góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lý tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.

- Định hướng hứng thú người học: HS được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của người học cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.

- Tính phức hợp: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.

- Định hướng hành động: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lý thuyết và vận dung lý thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành. Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lý thuyết cũng như rèn luyện kỹ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của người học.

- Tính tự lực cao của người học : Trong DHDA, người học cần tham gia tích cực và tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học.  Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo  của người học. GV chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của HS và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.

- Cộng tác làm việc: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. DHDA đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kỹ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa HS và GV cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án. Đặc điểm này còn được gọi là học tập mang tính xã hội.

- Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra. Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lý thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

**c. Các dạng của dạy học theo dự án**

DHDA có thể được phân loại theo nhiều phương diện khác nhau. Sau đây là một số cách phân loại dạy học theo dự án:

*-  Phân loại theo chuyên môn*

+ Dự án trong một môn học: trọng tâm nội dung nằm trong một môn học.

+ Dự án liên môn: trọng tâm nội dung nằm ở nhiều môn khác nhau.

+ Dự án ngoài chuyên môn: Là các dự án không phụ thuộc trực tiếp vào các môn học, ví dụ dự án chuẩn bị cho các lễ hội trong trường.

*- Phân loại theo sự tham gia của người học*: dự án cho nhóm HS, dự án cá nhân. Dự án dành cho nhóm HS là hình thức dự án dạy học chủ yếu. Trong trường phổ thông còn có dự án toàn trường, dự án dành cho một khối lớp, dự án cho một lớp học

*- Phân loại theo sự tham gia của GV*: dự án dưới sự hướng dẫn của một GV, dự án với sự cộng tác hướng dẫn của nhiều GV.

*- Phân loại theo quỹ thời gian*: K.Frey đề nghị cách phân chia như sau:

+ Dự án nhỏ: thực hiện trong một số giờ học, có thể từ 2-6 giờ học.

+ Dự án trung bình: dự án trong một hoặc một số ngày (“Ngày dự án”), nhưng giới hạn là một tuần hoặc 40 giờ học.

+ Dự án lớn: dự án thực hiện với quỹ thời gian lớn, tối thiểu là một tuần (hay 40 giờ học), có thể kéo dài nhiều tuần (“Tuần dự án”).

Cách phân chia theo thời gian này thường áp dụng ở trường phổ thông. Trong đào tạo đại học, có thể quy định quỹ thời gian lớn hơn.

*-  Phân loại theo nhiệm vụ*

Dựa theo nhiệm vụ trọng tâm của dự án, có thể phân loại các dự án theo các dạng sau:

+ Dự án tìm hiểu: là dự án khảo sát thực trạng đối tượng.

+ Dự án nghiên cứu: nhằm giải quyết các vấn đề, giải thích các hiện tượng, quá trình.

+ Dự án thực hành: có thể gọi là dự án kiến tạo sản phẩm, trọng tâm là việc tạo ra các sản phẩm vật chất hoặc thực hiện một kế hoạch hành động thực tiễn, nhằm thực hiện những nhiệm vụ như trang trí, trưng bày, biểu diễn, sáng tác.

+ Dự án hỗn hợp: là các dự án có nội dung kết hợp các dạng nêu trên.

Các loại dự án trên không hoàn toàn tách biệt với nhau. Trong từng lĩnh vực chuyên môn có thể phân loại các dạng dự án theo đặc thù riêng.

**d. Tiến trình thực hiện DHDA**

Dựa trên cấu trúc chung của một dự án trong lĩnh vực sản xuất, kinh tế nhiều tác giả phân chia cấu trúc của dạy học theo dự án qua 4 giai đoạn sau: Quyết định, lập kế hoạch, thực hiện, kết thúc dự án. Dựa trên cấu trúc của tiến trình phương pháp, người ta có thể chia cấu trúc của DHDA làm nhiều giai đoạn nhỏ hơn. Sau đây trình bày một cách phân chia các giai đoạn của dạy hoc theo dự án theo 5 giai đoạn.

+ Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án : GV và HS cùng nhau đề xuất, xác định đề tài và mục đích của dự án. Cần tạo ra một tình huống xuất phát, chứa đựng một vấn đề, hoặc đặt một nhiệm vụ cần giải quyết,  trong đó chú ý đến việc liên hệ với hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống. Cần chú ý đến hứng thú của người học cũng như ý nghĩa xã hội của đề tài. GV có thể giới thiệu một số hướng đề tài để học viên lựa chọn và cụ thể hoá. Trong trường hợp thích hợp, sáng kiến về việc xác định đề tài có thể xuất phát từ phía HS. Giai đoạn này được K.Frey mô tả thành hai giai đoạn là đề xuất sáng kiến và thảo luận sáng kiến.

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện: trong giai đoạn này HS với sự hướng dẫn của GV xây dựng đề cương cũng như kế hoạch cho việc thực hiện dự án. Trong việc xây dựng kế hoạch cần xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm.

+ Thực hiện dự án : các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Trong giai đoạn này HS thực hiện các hoạt động trí tuệ và hoạt động thực tiễn, thực hành, những hoạt động này xen kẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Kiến thức lý thuyết, các phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn. Trong quá trình đó sản phẩm của dự án và thông tin mới được tạo ra.

+ Thu thập kết quả và công bố sản phẩm : kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo, luận văn… Trong nhiều dự án các sản phẩm vật chất được tạo ra qua hoạt động thực hành. Sản phẩm của dự án cũng có thể là những hành động phi vật chất, chẳng hạn việc biểu diễn một vở kịch, việc tổ chức một sinh hoạt nhằm tạo ra các tác động xã hội. Sản phẩm của dự án có thể được trình bày giữa các nhóm sinh viên, có thể được giới thiệu trong nhà trường, hay ngoài xã hội.

+ Đánh giá dự án: GV và HS đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm đạt được. Từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo. Kết quả của dự án cũng có thể đuợc đánh giá từ bên ngoài. Hai giai đoạn cuối này cũng có thể được mô tả chung thành giai đoạn kết thúc dự án.

Việc phân chia các giai đoạn trên đây chỉ mang tính chất tương đối. Trong thực tế chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau. Việc tự kiểm tra, điều chỉnh cần được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của dự án. Với những dạng dự án khác nhau có thể xây dựng cấu trúc chi tiết riêng phù hợp với nhiệm vụ dự án. Giai đoạn 4 và 5 cũng thường được mô tả chung thành một giai đoạn (giai đoạn kết thúc dự án).

**e. Ưu điểm và nhược điểm của dạy học theo dự án**

**- Ưu điểm**: Các đặc điểm của DHDA đã thể hiện những ưu điểm của PPDH này. Có thể tóm tắt những ưu điểm cơ bản sau đây của dạy học theo dự án:

        Gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội;

        Kích thích động cơ, hứng thú học tập của người học;

        Phát huy tính tự lực, tính trách nhiệm;

        Phát triển khả năng sáng tạo;

        Rèn luyện năng lực giải quyết những vấn đề phức hợp;

        Rèn luyện tính bền bỉ, kiên nhẫn;

        Rèn luyện năng lực cộng tác làm việc;

        Phát triển năng lực đánh giá.

**- Nhược điểm**

        DHTDA không phù hợp trong việc truyền thụ tri thức lý thuyết mang tính trừu tượng, hệ thống cũng như rèn luyện hệ thống kỹ năng cơ bản;

        DHTDA đòi hỏi nhiều thời gian. Vì vậy DHDA không thay thế cho PP thuyết trình và luyện tập, mà là hình thức dạy  học bổ sung cần thiết cho các PPDH truyền thống.

        DHTDA đòi hỏi phương tiện vật chất và tài chính phù hợp.

***Tóm lại DHDA là một hình thức dạy học quan trọng để thực hiện quan điểm dạy học định hướng vào người học, quan điểm dạy học định hướng hoạt động và quan điểm dạy học tích hợp. DHDA góp phần gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, tham gia tích cực vào việc đào tạo năng lực làm việc tự lực, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác làm việc của người học.***

**2. Dạy học theo hợp đồng**

**a.Khái niệm**:  Là PP tổ chức hoạt động học tập, trong đó HS làm việc theo một gói các nhiệm vụ trong một khoảng thời gian nhất định.

-        Dạy học theo hợp đồng HS sẽ được giao một hợp đồng trọn gói bao gồm các nhiệm vụ khác nhau: Nhiệm vụ bắt buộc và nhiệm vụ tự chọn.

-        Hợp đồng sẽ được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định ( có thể nhiều hơn 1 tiết học)

-        HS sẽ chủ động xác định thời gian và thứ tự thực hiện các nhiệm vụ.

**b.Ưu điểm của dạy học theo hợp đồng**:

-        Cho phép phân hóa nhịp độ và trình độ của HS;

-        Tăng cường tính độc lập của HS;

-        Nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ học tập;

-        GV có nhiều cơ hội hướng dẫn cá nhân;

-        Các hoạt động học tập sẽ phong phú hơn;

-        Lựa chọn đa dạng;…

**c.Các bước dạy học theo hợp đồng**

-        Bước 1: Chuẩn bị

+ Lựa chọn nội dung bài học phù hợp

+ Xây dựng hợp đồng: Biên soạn văn bản hợp đồng; Thiết kế các nhiệm vụ/hoạt động bao gồm cả phương tiện, tài liệu ( tư liệu nguồn, bản hướng dẫn theo mức độ hỗ trợ, đáp án,…).

-        Bước 2: Tổ chức hoạt động dạy học

+ Giới thiệu bài học, giới thiệu hợp đồng

+ Tổ chức cho HS kí và thực hiện hợp đồng

+ Tổ chức trao đổi/chia sẻ kết quả học tập

**d.Lưu ý khi tổ chức dạy học theo hợp đồng**

-        Nội dung bài học phải phù hợp với đặc trưng của PPDH theo hợp đồng ( nên áp dụng trong các giờ thực hành, ôn tập, luyện tập,..)

-        Nhiệm vụ bắt buộc phải căn cứ vào chuẩn kiến thức kỹ năng. Nhiệm vụ tự chọn nhằm củng cố mở rộng nâng cao kiến thức, kỹ năng liên quan đến nội dung bài học.

-        Cần đa dạng hóa: Nội dung ( Nội dung đóng: chỉ có 1 phương án giải quyêt, Nội dung mở: có nhiều phương án giải quyết); Nhiệm vụ học tập ( bắt buộc/tự chọn); Mức độ độc lập trong học tập ( Độc lập/Có hướng dẫn); Hình thức học tập ( cá nhân/ nhóm); Các hoạt động học tập ( thực hành, trải nghiệm, vui chơi,..)

-        Thiết kế phiếu hỗ trợ có các mức độ khác nhau ( hỗ trọ ít, hỗ trợ nhiều) đáp ứng sự phân hóa về trình độ nhận thức của HS.

Có rất nhiều kĩ thuật dạy học tích cực mà những nhà nghiên cứu giáo dục đã đưa ra nhằm dạy học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức tốt mà còn phát triển năng lực. Điều quan trọng là giáo viên linh hoạt tuỳ theo bài học để chọn kĩ thuật phù hợp.

**Kĩ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của của giáo viên và học sinh trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học. Các kĩ thuật dạy học là những đơn vị nhỏ nhất của phương pháp dạy học.**

**1. Kĩ thuật "Các mảnh ghép"**

**Thế nào là kĩ thuật "Các mảnh ghép"?**

Là hình thức học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm:

- Giải quyết một nhiệm vụ phức hợp (có nhiều chủ đề)

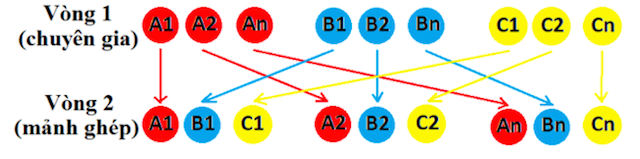
- Kích thích sự tham gia tích cực của HS:

- Nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (Không chỉ hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 1 mà còn phải truyền đạt lại kết quả vòng 1 và hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 2).

**Cách tiến hành kĩ thuật "Các mảnh ghép"**

**VÒNG 1: Nhóm chuyên gia**

* Hoạt động theo nhóm 3 đến 8 người [số nhóm được chia = số chủ đề x n (n = 1,2,…)]
* Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ [Ví dụ : nhóm 1 : nhiệm vụ A; nhóm 2: nhiệm vụ B, nhóm 3: nhiệm vụ C, … (có thể có nhóm cùng nhiệm vụ)]
* Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình
* Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành “chuyên gia” của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2.

Kỹ thuật "Các mảnh ghép"

**VÒNG 2: Nhóm các mảnh ghép**

* Hình thành nhóm 3 đến 6 người mới (1 – 2 người từ nhóm 1, 1 – 2 người từ nhóm 2, 1 – 2 người từ nhóm 3…)
* Các câu trả lời và thông tin của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau
* Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết
* Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ, trình bày và chia sẻ kết quả

**Một vài ý kiến cá nhân với kĩ thuật "Các mảnh ghép"**

- Kĩ thuật này áp dụng cho hoạt động nhóm với nhiều chủ đề nhỏ trong tiết học, học sinh được chia nhóm ở vòng 1 (chuyên gia) cùng nghiên cứu một chủ đề.

- Phiếu học tập mỗi chủ đề nên sử dụng trên giấy cùng màu có đánh số 1,2,…,n (nếu không có giấy màu có thể đánh thêm kí tự A, B, C, ... . Ví dụ A1, A2, ... An, B1, B2, ..., Bn, C1, C2, ..., Cn).

- Sau khi các nhóm ở vòng 1 hoàn tất công việc giáo viên hình thành nhóm mới (mảnh ghép) theo số đã đánh, có thể có nhiều số trong 1 nhóm mới. Bước này phải tiến hành một cách cẩn thận tránh làm cho học sinh ghép nhầm nhóm.

- Trong điều kiện phòng học hiện nay việc ghép nhóm vòng 2 sẽ gây mất trật tự.

**Ví dụ:** Bài học tiếng Việt

**- Vòng 1**

Chủ đề A: Thế nào là câu đơn? Nêu ví dụ minh họa và phân tích .(màu đỏ)

Chủ đề B: Thế nào là câu ghép? Nêu ví dụ minh họa và phân tích . (màu xanh)

Chủ đề C: Thế nào là câu phức? Nêu ví dụ minh họa và phân tích . (màu vàng)

Lớp có 45 học sinh, có 12 bàn học.

Giáo viên có thể chia thành 6 nhóm: mỗi nhóm gồm học sinh 2 bàn ghép lại (mỗi nhóm có 7 hoặc 8 học sinh). Giao nhiệm vụ: nhóm 1,2 nhận chủ đề A, nhóm 3,4 nhận chủ đề B, nhóm 5,6 nhận chủ đề C.

Phát phiếu học tập cho học sinh. Trên phiếu học tập theo màu có đánh số từ 1 đến 15. Thông báo cho học sinh thời gian làm việc cá nhân và theo nhóm

**- Vòng 2**

Giáo viên thông báo chia thành 12 nhóm mới : mỗi nhóm 1 bàn (mỗi nhóm có từ 3 đến 6 học sinh): nhóm 1 gồm các học sinh có phiếu học tập mang số 1,2; nhóm 2 gồm các học sinh có phiếu học tập mang số 3,4; nhóm 3 gồm các học sinh có phiếu học tập mang số 5; nhóm 4 gồm các học sinh có phiếu học tập mang số 6; … nhóm 12 gồm các học sinh có phiếu học tập mang số 14,15. Giáo viên thông báo thời gian làm việc nhóm mới

Các chuyên gia sẽ trình bày ý kiến của của nhóm mình ở vòng 1.

Giao nhiệm vụ mới: Câu đơn, câu phức và câu ghép khác nhau ở điểm nào? Phân tích ví dụ minh hoạ.

**2. Kĩ thuật "Khăn trải bàn"**

**Thế nào là kĩ thuật "Khăn trải bàn"?**

Là hình thức tổ chức hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực

- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS

- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa HS với HS

**Cách tiến hành kĩ thuật "Khăn trải bàn"**

**Kĩ thuật "Khăn trải bàn"**

- Hoạt động theo nhóm (4 người / nhóm) (có thể nhiều người hơn)

- Mỗi người ngồi vào vị trí như hình vẽ minh họa

- Tập trung vào câu hỏi (hoặc chủ đề,...)

- Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về chủ đề...). Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút

- Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời

- Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0)

**Một vài ý kiến cá nhân với kĩ thuật "Khăn trải bàn"**

- Kĩ thuật này giúp cho hoạt động nhóm có hiệu quả hơn, mỗi học sinh đều phải đưa ra ý kiến của mình về chủ đề đang thảo luận, không ỷ lại vào các bạn học khá, giỏi.

- Kĩ thuật này áp dụng cho hoạt động nhóm với một chủ đề nhỏ trong tiết học, toàn thể học sinh cùng nghiên cứu một chủ đề.

- Sau khi các nhóm hoàn tất công việc giáo viên có thể gắn các mẫu giấy "khăn trải bàn" lên bảng để cả lớp cùng nhận xét. Có thể dùng giấy nhỏ hơn, dùng máy chiếu phóng lớn

- Có thể thay số bằng tên của học sinh để sau đó giáo viên có thể đánh giá được khả năng nhận thức của từng học sinh về chủ đề được nêu.

**3. Kĩ thuật "Động não"**

**Thế nào là kĩ thuật "Động não"?**

Động não (công não) là một kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra "cơn lốc” các ý tưởng). Kỹ thuật động não do Alex Osborn (Mỹ) phát triển, dựa trên một kỹ thuật truyền thống từ Ấn độ.

**Quy tắc của động não**

* Không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên;
* Liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày;
* Khuyến khích số lượng các ý tưởng;
* Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.

**Các b­ước tiến hành**

1. Ngư­ời điều phối dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề;
2. Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau;
3. Kết thúc việc đưa ra ý kiến;
4. Đánh giá:

Lựa chọn sơ bộ các suy nghĩ, chẳng hạn theo khả năng ứng dụng

- Có thể ứng dụng trực tiếp;

- Có thể ứng dụng như­ng cần nghiên cứu thêm;

- Không có khả năng ứng dụng.

Đánh giá những ý kiến đó lựa chọn

Rút ra kết luận hành động.

**Ứng dụng khi nào?**

* Dùng trong giai đoạn nhập đề vào một chủ đề;
* Tìm các phương án giải quyết vấn đề;
* Thu thập các khả năng lựa chọn và ý nghĩ khác nhau.

**Ưu điểm**

* Dễ thực hiện;
* Không tốn kém;
* Sử dụng được hiệu ứng cộng hưởng, huy động tối đa trí tuệ của tập thể;
* Huy động được nhiều ý kiến;
* Tạo cơ hội cho tất cả thành viên tham gia.

**Nhược điểm**

* Có thể đi lạc đề, tản mạn;
* Có thể mất thời gian nhiều trong việc chọn các ý kiến thích hợp;
* Có thể có một số HS "quá tích cực", số khác thụ động. Kỹ thuật động não được áp dụng phổ biến và nguời ta xây dựng nhiều kỹ thuật khác dựa trên kỹ thuật này, có thể coi là các dạng khác nhau của kỹ thuật động não.

**Chú ý:** Kĩ thuật trên có thể biến đổi để trở thành kĩ thuật "Động não viết":  những ý tưởng không được trình bày miệng mà được từng thành viên tham gia trình bày ý kiến bằng cách viết trên giấy về một chủ đề.Trong động não viết, các đối tác sẽ giao tiếp với nhau bằng chữ viết. Các em đặt trước mình một vài tờ giấy chung, trên đó ghi chủ đề ở dạng dòng tiêu đề hoặc ở giữa tờ giấy. Các em thay nhau ghi ra giấy những gì mình nghĩ về chủ đề đó, trong im lặng tuyệt đối. Trong khi đó, các em xem các dòng ghi của nhau và cùng lập ra một bài viết chung. Bằng cách đó có thể hình thành những câu chuyện trọn vẹn hoặc chỉ là bản thu thập các từ khóa. Các HS luyện tập có thể thực hiện các cuộc nói chuyện bằng giấy bút cả khi làm bài trong nhóm. Sản phẩm có thể có dạng một bản đồ trí tuệ.

Ưu điểm của phương pháp này là có thể huy động sự tham gia của tất cả HS trong nhóm; tạo sự yên tĩnh trong lớp học; động não viết tạo ra mức độ tập trung cao. Vì những HS tham gia sẽ trình bày những suy nghĩ của mình bằng chữ viết nên có sự chú ý cao hơn so với các cuộc nói chuyện bình thường bằng miệng; các HS đối tác cùng hoạt động với nhau mà không sử dụng lời nói. Bằng cách đó, thảo luận viết tạo ra một dạng tương tác xã hội đặc biệt; những ý kiến đóng góp trong cuộc nói chuyện bằng giấy bút thường được suy nghĩ đặc biệt kỹ.

Tuy nhiên, nhược điểm là có thể HS sa vào những ý kiến tản mạn, xa đề; do được tham khảo ý kiến của nhau, có thể một số HS ít có sự độc lập.

**3. Kĩ thuật "Ổ bi"**

**Thế nào là kĩ thuật "Ổ bi"?**

Kĩ thuật "Ổ bi" là một kỹ thuật dùng trong thảo luận nhóm, trong đó HS chia thành hai nhóm ngồi theo hai vòng tròn đồng tâm như hai vòng của một ổ bi và đối diện nhau để tạo điều kiện cho mỗi HS có thể nói chuyện với lần lượt các HS ở nhóm khác.

**Cách thực hiện**

* Khi thảo luận, mỗi HS ở vòng trong sẽ trao đổi với HS đối diện ở vòng ngoài, đây là dạng đặc biệt của phương pháp luyện tập đối tác;
* Sau một ít phút thì HS vòng ngoài ngồi yên, HS vòng trong chuyển chỗ theo chiều kim đồng hồ, tương tự như vòng bi quay, để luôn hình thành các nhóm đối tác mới.

**4. Kĩ thuật "Bể cá"**

**Thế nào là kĩ thuật "Bể cá"?**

Kĩ thuật "Bể cá" là một kĩ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những HS thảo luận.

Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. HS tham gia nhóm quan sát có thể ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Cách luyện tập này được gọi là phương pháp thảo luận "bể cá", vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong một bể cá cảnh. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

**Bảng câu hỏi dành cho những người quan sát**

* Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không?
* Họ có nói một cách dễ hiểu không?
* Họ có để những người khác nói hay không?
* Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không?
* Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không?
* Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không?
* Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không?

**5. Kĩ thuật "Tia chớp"**

**Thế nào là kĩ thuật "Tia chớp"?**

Kỹ thuật tia chớp là một kỹ thuật huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi nào đó, hoặc nhằm thu thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trong lớp học, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng (nhanh như chớp!) ý kiến của mình về câu hỏi hoặc tình trạng vấn đề.

**Quy tắc thực hiện**

* Có thể áp dụng bất cứ thời điểm nào khi các thành viên thấy cần thiết và đề nghị;
* Lần lượt từng người nói suy nghĩ của mình về một câu hỏi đã thoả thuận, ví dụ: Hiện tại tôi có hứng thú với chủ đề thảo luận không?
* Mỗi người chỉ nói ngắn gọn 1-2 câu ý kiến của mình;
* Chỉ thảo luận khi tất cả đã nói xong ý kiến.

**6. Kĩ thuật "XYZ"**

**Thế nào là kĩ thuật "XYZ"?**

Kĩ thuật "XYZ" là một kỹ thuật nhằm phát huy tính tích cực trong thảo luận nhóm. X là số người trong nhóm, Y là số ý kiến mỗi người cần đưa ra, Z là phút dành cho mỗi người.

**Ví dụ kỹ thuật 635 thực hiện như sau:**

* Mỗi nhóm 6 ng­ười, mỗi ng­ười viết 3 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 5 phút về cách giải quyết 1 vấn đề và tiếp tục chuyển cho ngư­ời bên cạnh;
* Tiếp tục như­ vậy cho đến khi tất cả mọi ng­ười đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác;
* Con số X-Y-Z có thể thay đổi;
* Sau khi thu thập ý kiến thì tiến hành thảo luận, đánh giá các ý kiến.

**7. Kĩ thuật "Lược đồ tư duy"**

**Thế nào là kĩ thuật "Lược đồ tư duy"?**

Lược đồ tư duy (còn được gọi là bản đồ khái niệm) là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề. Lược đồ tư duy có thể được viết trên giấy, trên bản trong, trên bảng hay thực hiện trên máy tính.

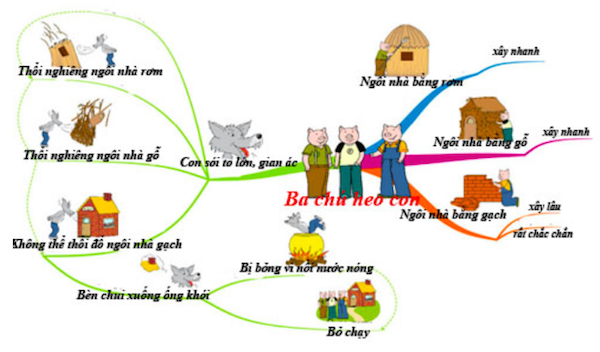
**Cách làm**

* Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.
* Từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề, viết bằng CHỮ IN HOA. Nhánh và chữ viết trên đó được vẽ và viết cùng một màu. Nhánh chính đó được nối với chủ đề trung tâm. Chỉ sử dụng các thuật ngữ quan trọng để viết trên các nhánh.
* Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường.
* Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

**Ứng dụng**

Lược đồ tư duy có thể ứng dụng trong nhiều tình huống khác nhau như:

* Tóm tắt nội dung, ôn tập một chủ đề;
* Trình bày tổng quan một chủ đề;
* Chuẩn bị ý tưởng cho một báo cáo hay buổi nói chuyện, bài giảng;
* Thu thập, sắp xếp các ý tưởng;
* Ghi chép khi nghe bài giảng.

Lược đồ tư duy câu chuyện "Ba chú heo con"

**Ưu điểm**

* Các hướng tư duy được để mở ngay từ đầu;
* Các mối quan hệ của các nội dung trong chủ đề trở nên rõ ràng;
* Nội dung luôn có thể bổ sung, phát triển, sắp xếp lại;
* Học sinh được luyện tập phát triển, sắp xếp các ý tưởng.

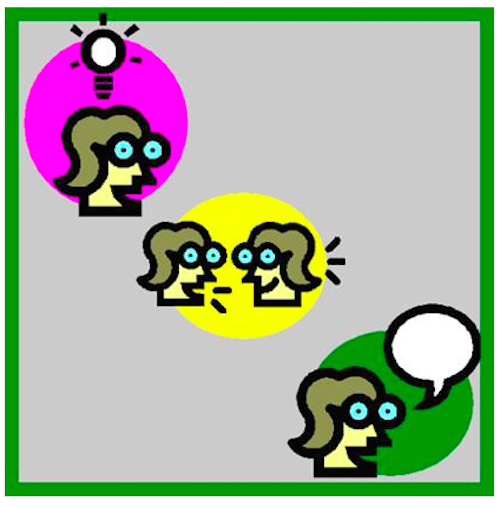
**8. Kĩ thuật "Chia sẻ nhóm đôi"**

**Thế nào là kĩ thuật "Chia sẻ nhóm đôi"?**

Chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, Share) là một kỹ thuật do giáo sư Frank Lyman đại học Maryland giới thiệu năm 1981. Kỹ thuật này giới thiệu hoạt động làm việc nhóm đôi, phát triển năng lực tư duy của từng cá nhân trong giải quyết vấn đề.

**Dụng cụ**

Hoạt động này phát triển kỹ năng nghe và nói nên không cần thiết sử dụng các dụng cụ hỗ trợ.

**Mỗi nhóm 2 bạn trao đổi**

**Thực hiện**

* Giáo viên giới thiệu vấn đề, đặt câu hỏi mở, dành thời gian để học sinh suy nghĩ.
* Sau đó học sinh thành lập nhóm đôi và chia sẻ ý tưởng, thảo luận, phân loại.
* Nhóm đôi này lại chia sẻ tiếp với nhóm đôi khác hoặc với cả lớp.

**Lưu ý**

* Điều quan trọng là người học chia sẻ được cả ý tưởng mà mình đã nhận được, thay vì chỉ chia sẻ ý kiến cá nhân.
* Giáo viên cần làm mẫu hoặc giải thích.

**Ưu điểm**

Thời gian suy nghĩ cho phép học sinh phát triển câu trả lời, có thời gian suy nghĩ tốt, học sinh sẽ phát triển được những câu trả lời tốt, biết lắng nghe, tóm tắt ý của bạn cùng nhóm.

**Hạn chế:**

Học sinh dễ dàng trao đổi những nội dung không liên quan đến bài học do giáo viên không thể bao quát hết hoạt động của cả lớp.

**9. Kĩ thuật Kipling**

Rudyard Kipling (1865 – 1936) là nhà thơ, nhà văn Anh nổi tiếng, tác giả quyển sách “Cậu bé rừng xanh” và rất nhiều bài thơ hay. Ông từng viết 4 câu thơ:

"I have six honest serving men

They taught me all I knew

I call them What and Where and When

And How and Why and Who"

Rudyard Kipling (1865 – 1936)

Kĩ thuật này thường được dùng cho các trường hợp khi cần có thêm ý tưởng mới, hoặc xem xét nhiều khía cạnh của vấn đề, chọn lựa ý tưởng để phát triển.

**Dụng cụ**

Giấy bút cho người tham gia.

**Thực hiện**

Các câu hỏi được đưa ra theo thứ tự ngẫu nhiên hoặc theo một trật tự định ngầm trước, với các từ khóa: Cái gì, Ở đâu, Khi nào, Thế nào, Tại sao, Ai.

Ví dụ:

* Vấn đề là gì?
* Vấn đề xảy ra ở đâu?
* Vấn đề xảy ra khi nào?
* Tại sao vấn đề lại xảy ra?
* Làm thế nào để giải quyết vấn đề?
* Ai sẽ tham gia giải quyết vấn đề?
* Khi nào thì vấn đề giải quyết xong?

**Lưu ý**

* Các câu hỏi cần ngắn gọn, đi thẳng vào chủ đề.
* Các câu hỏi cần bám sát vào hệ thống từ khóa 5W1H (What, where, when, who, why, how).

**Ưu điểm**

* Nhanh chóng, không mất thời gian, mang tính logic cao.
* Có thể áp dụng cho nhiều tình huống khác nhau.
* Có thể áp dụng cho cá nhân.

**Hạn chế**

* Ít có sự phối hợp của các thành viên.
* Dễ dẫn đến tình trạng "9 người 10 ý".
* Dễ tạo cảm giác "Bị điều tra".

**10. Kĩ thuật KWL**

**Thế nào là kĩ thuật KWL?**

KWL do Donna Ogle giới thiệu năm 1986, vốn là một hình thức tổ chức dạy học hoạt động đọc hiểu. Học sinh bắt đầu bằng việc động não tất cả những gì các em đã biết về chủ đề bài đọc. Thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột K của biểu đồ. Sau đó học sinh nêu lên danh sách các câu hỏi về những điều các em muốn biết thêm trong chủ đề này. Những câu hỏi đó sẽ được ghi nhận vào cột W của biểu đồ. Trong quá trình đọc hoặc sau khi đọc xong, các em sẽ tự trả lời cho các câu hỏi ở cột W. Những thông tin này sẽ được ghi nhận vào cột L. (Trích từ Ogle, D.M. (1986). K-W-L: A teaching model that develops active reading of expository text. Reading Teacher, 39, 564-570).

**Donna Ogle**

**Mục đích sử dụng biểu đồ KWL**

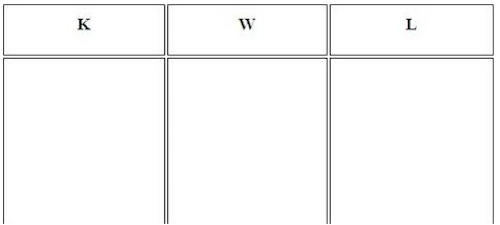
Biểu đồ KWL phục vụ cho các mục đích sau:

* Tìm hiểu kiến thức có sẵn của học sinh về bài đọc
* Đặt ra mục tiêu cho hoạt động đọc
* Giúp học sinh tự giám sát quá trình đọc hiểu của các em
* Cho phép học sinh đánh giá quá trình đọc hiểu của các em.
* Tạo cơ hội cho học sinh diễn tả ý tưởng của các em vượt ra ngoài khuôn khổ bài đọc.

**Sử dụng biểu đồ KWL như thế nào?**

- Chọn bài đọc. Phương pháp này đặc biệt có hiệu quả với các bài đọc mang ý nghĩa gợi mở, tìm hiểu, giải thích

- Tạo bảng KWL. Giáo viên vẽ một bảng lên bảng, ngoài ra, mỗi học sinh cũng có một mẫu bảng của các em. Có thể sử dụng mẫu sau.

Dạng bảng KWL

- Đề nghị học sinh động não nhanh và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến chủ đề. Cả giáo viên và học sinh cùng ghi nhận hoạt động này vào cột K. Hoạt động này kết thúc khi học sinh đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Tổ chức cho học sinh thảo luận về những gì các em đã ghi nhận.

**Một số lưu ý tại cột K**

Chuẩn bị những câu hỏi để giúp học sinh động não. Đôi khi để khởi động, học sinh cần nhiều hơn là chỉ đơn giản nói với các em : "Hãy nói những gì các em đã biết về..."

Khuyến khích học sinh giải thích. Điều này rất quan trọng vì đôi khi những điều các em nêu ra có thể là mơ hồ hoặc không bình thường.

Hỏi học sinh xem các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề. Cả giáo viên và học sinh ghi nhận câu hỏi vào cột W. Hoạt động này kết thúc khi học sinh đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Nếu học sinh trả lời bằng một câu phát biểu bình thường, hãy biến nó thành câu hỏi trước khi ghi nhận vào cột W.

**Một số lưu ý tại cột W**

Hỏi những câu hỏi tiếp nối và gợi mở. Nếu chỉ hỏi các em : "Các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề này?" Đôi khi học sinh trả lời đơn giản "không biết", vì các em chưa có ý tưởng. Hãy thử sử dụng một số câu hỏi sau :

"Em nghĩ mình sẽ biết thêm được điều gì sau khi em đọc chủ đề này?"

Chọn một ý tưởng từ cột K và hỏi: "Em có muốn tìm hiểu thêm điều gì có liên quan đến ý tưởng này không?"

Chuẩn bị sẵn một số câu hỏi của riêng bạn để bổ sung vào cột W. Có thể bạn mong muốn học sinh tập trung vào những ý tưởng nào đó, trong khi các câu hỏi của học sinh lại không mấy liên quan đến ý tưởng chủ đạo của bài đọc. Chú ý là không được thêm quá nhiều câu hỏi của bạn. Thành phần chính trong cột W vẫn là những câu hỏi của học sinh.

Yêu cầu học sinh đọc và tự điền câu trả lời mà các em tìm được vào cột L. Trong quá trình đọc, học sinh cũng đồng thời tìm ra câu trả lời của các em và ghi nhận vào cột W.

Học sinh có thể điền vào cột L trong khi đọc hoặc sau khi đã đọc xong.

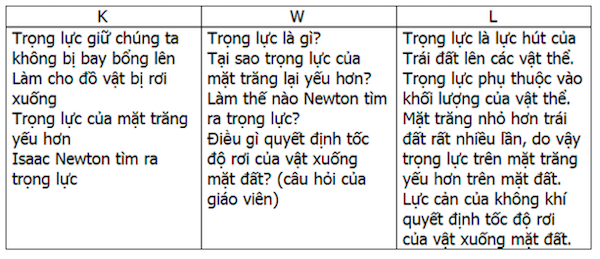
**Một số lưu ý tại cột L**

Ngoài việc bổ sung câu trả lời, khuyến khích học sinh ghi vào cột L những điều các em cảm thấy thích. Để phân biệt, có thể đề nghị các em đánh dấu những ý tưởng của các em. Ví dụ các em có thể đánh dấu tích vào những ý tưởng trả lời cho câu hỏi ở cột W, với các ý tưởng các em thích, có thể đánh dấu sao.

Đề nghị học sinh tìm kiếm từ các tài liệu khác để trả lời cho những câu hỏi ở cột W mà bài đọc không cung cấp câu trả lời. (Không phải tất cả các câu hỏi ở cột W đều được bài đọc trả lời hoàn chỉnh)

Thảo luận những thông tin được học sinh ghi nhận ở cột L

Khuyến khích học sinh nghiên cứu thêm về những câu hỏi mà các em đã nêu ở cột W nhưng chưa tìm được câu trả lời từ bài đọc.

Bảng KWL bài "Trọng lực"

*(Câu hỏi của học sinh về Newton ở cột W không có câu trả lời trong bài đọc, học sinh sẽ được khuyến khích tìm kiếm câu trả lời từ các tài nguyên khác).*

**Tổng hợp từ nhiều nguồn:**

- Nguyễn Văn Cường, Một số vấn đề chung về đổi mới PPDH ở trường THPT - dự án phát triển GDTHPT.

- "Đổi mới phương pháp dạy học trung học phổ thông", Dự án PTGD THPT, Hà Nội, 2006.